TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-PT
Ngày: 23-03-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Đào Minh Đa

Ông Huỳnh Văn Luật

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2020/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐPT-KDTM ngày 09 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần VG; địa chỉ: khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà S, sinh năm 1983; địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2018, có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH DA; địa chỉ: Khu dân cư P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Số mới là: Khu dân cư C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông V, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH DA - Khu dân cư C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/01/2019 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông T – Luật sư, Văn phòng Luật sư T và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà L, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Khu phố 4, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông C, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Bà Q, sinh năm 1989; địa chỉ: khu 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

+ Bà H - Chức vụ: Kế toán trưởng; địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH DA - Khu dân cư C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Bà C; địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH DA - Khu dân cư C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty Cổ phần VG. Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2018, quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn bà S trình bày:

Giữa Công ty Cổ phần VG và Công ty TNHH DA có mối quan hệ hợp tác kinh doanh từ nhiều năm. Cuối năm 2015, khi Công ty DA khó khăn thiếu vốn kinh doanh nên Công ty VG đã nhiều lần cho Công ty DA vay tiền, với số tiền tổng cộng còn nợ là 3.266.500.287 đồng. Việc vay tiền chia làm nhiều đợt, cụ thể như sau:

Ngày 17/11/2015 vay thanh toán nhà cung cấp 200.000.000 đồng

Ngày 17/11/2015 vay thanh toán nhà cung cấp 90.000.000 đồng

Ngày 18/11/2015 vay thanh toán nhà cung cấp 80.000.000 đồng

Ngày 19/11/2015 vay đáo hạn ngân hàng Vietinbank 6.025.252.798 đồng

Ngày 19/11/2015 trả Công ty VG 1.031.079.090 đồng

Ngày 19/11/2015 vay thanh toán nhà cung cấp 314.500.000 đồng

Ngày 20/11/2015 vay thanh toán nhà cung cấp 404.949.000 đồng

Ngày 21/11/2015 vay thanh toán nhà cung cấp 165.000.000 đồng

Ngày 23/11/2015 vay thanh toán nhà cung cấp 130.000.000 đồng

Ngày 23/11/2015 vay thanh toán nhà cung cấp 500.000.000 đồng

Ngày 23/11/2015 trả Công ty VG 1.000.000.000 đồng

Ngày 08/12/2015 trả Công ty VG 117.445.682 đồng

Ngày 11/01/2016 trả Công ty VG 50.000.000 đồng

Ngày 11/01/2016 trả Công ty VG 490.000.000 đồng

Ngày 28/01/2016 trả Công ty VG 254.676.793 đồng

Ngày 15/02/2016 trả Công ty VG 1.200.000.000 đồng

Ngày 12/9/2016 trả Công ty VG 2.000.000.000 đồng

Vay tiền thi công dự án Việt Hàn 1.500.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty DA đã vay là 9.409.701.798 đồng; tổng số tiền nợ đã trả là 6.143.201.511 đồng. Số tiền còn nợ chưa trả 3.266.500.287 đồng.

Sau nhiều lần vay mượn và trả nợ đến ngày 16/9/2016, Công ty DA có Bảng xác nhận công nợ từ ngày 17/11/2015 đến ngày 28/01/2016 có vay Công ty VG với số tiền 3.266.500.287 đồng. Đính kèm bảng theo dõi tiền mượn từng đợt. Công ty VG đã nhiều lần yêu cầu Công ty DA trả nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Công ty VG khởi kiện yêu cầu Công ty DA phải trả cho Công ty VG số tiền vay 3.266.500.287 đồng, không yêu cầu trả lãi.

2. Tại bản tường trình ngày 20 tháng 5 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án người đại diện của bị đơn ông Nguyễn Duy Vinh trình bày:

Giữa Công ty VG và Công ty DA có mối quan hệ hợp tác từ nhiều năm. Cuối năm 2015, Công ty DA có vay tiền của Công ty VG nhiều lần, với số tiền tổng cộng là 3.266.500.287 đồng, việc vay tiền chia làm nhiều đợt và việc trả nợ như phía đại diện của Công ty VG đã trình bày. Công ty DA có ký Bảng xác nhận công nợ ngày 16/9/2016.

Trong quá trình giải quyết vụ án do tài liệu của Công ty DA lưu trữ đã lâu khó khăn trong việc tìm kiếm nên có sự nhầm lẫn đối với một số chứng từ đã chi trả tiền cho phía Công ty VG. Vì vậy, Công ty DA đã cung cấp cho Tòa án các chứng từ trả tiền cho Công ty VG vào các ngày 25/3/2016, 26/4/2016, 16/8/2016, 05/10/2016 với số tiền đã trả là 3.215.133.600 đồng là chưa chính xác (không phải chứng từ này).

Sau đó, Công ty DA đã tìm thấy các chứng từ chứng minh việc chi trả tiền nợ cho Công ty VG đối với số tiền 3.266.500.287 đồng. Cụ thể, ngày 21/02/2017 bà L là nhân viên của Công ty DA đã chuyển vào tài khoản của Công ty VG số tiền 430.000.000 đồng. Ngày 03/01/2017, bà L tiếp tục chuyển vào tài khoản của Công ty VG số tiền 2.946.490.000 đồng. Tổng cộng hai lần chi trả là 3.376.490.000 đồng. Số tiền chênh lệch 109.989.713 đồng (nhiều hơn so với Bảng xác nhận công nợ ngày 16/9/2016) là số tiền mà Công ty DA trả lãi chậm trả tượng trưng cho phía Công ty VG vì mối quan hệ hợp tác thân thiết.

Vì vậy, nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty DA không đồng ý vì Công ty DA đã trả hết số tiền nợ đã vay theo bảng xác nhận công nợ ngày 16/9/2016.

3. *Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L có yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng có lời trình bày*:

Trước tháng 10 năm 2017 bà L có làm việc tại Công ty DA và Công ty VG, chức vụ nhân viên kế toán. Trong giai đoạn này bà L có thực hiện các giao dịch chuyển tiền vào tài khoản của hai công ty trên và không nhớ nộp tiền hoặc chuyển khoản nội dung gì do thời gian làm việc cách đây rất lâu.

Đối với phiếu chi, giấy nộp tiền ngày 21/02/2017; ngày 03/01/2017 cá nhân bà L chuyển (nộp tiền) vào tài khoản để đáo hạn vay Ngân hàng (có sự đồng ý và xét duyệt của Phó giám đốc, kế toán trưởng) cho Công ty VG của phiếu chi ngày 21/02/2017. Đối với giấy nộp tiền ngày 03/01/2017 do thời gian đã quá lâu bà L không nhớ lúc đó nộp vào tài khoản là vì nguyên nhân gì do không thể hiện được rõ nội dung là nộp vào với mục đích gì nên bà L không biết có phải là tiền của Công ty DA trả cho Công ty VG không.

Bà L đề nghị Tòa án không triệu tập bà L do bà L đã nghỉ việc ở hai công ty nói trên rất lâu nên không liên quan đến các mâu thuẫn phát sinh của hai công ty.

4. Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C trình bày:

Trong thời gian từ năm 2015 -2017 ông C có tham gia tư vấn tài chính tại Công ty DA và Công ty VG. Những chứng từ ông C ký trong hồ sơ nội bộ của hai công ty với tư cách là kiểm soát còn chi tiết cụ thể ông C không nắm và hiện tại ông C đã nghỉ tư vấn cho hai công ty nên thời gian lâu ông C không nhớ các khoản chi thuộc công trình nào.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty VG về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn Công ty DA.

2. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản tại ngân hàng quy định tại Điều 124 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 27/6/2019 đối với Công ty DA.

Công ty VG được nhận lại số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đã thực hiện biện pháp bảo đảm theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 03/2019/QĐ-BPBĐ, ngày 27/06/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và theo giấy nộp tiền ngày 27/6/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/9/2019, Công ty VG có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền vay 3.266.500.287 đồng theo Bảng xác nhận nợ ngày 16/9/2016.

Ngày 25/9/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một có Quyết định kháng nghị số 42/QĐKNPT-VKS-KDTM kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của đại diện nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện bị đơn: Không chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư T: Việc vay mượn tiền giữa hai công ty là có thật theo Bảng xác nhận nợ ngày 16/9/2016. Tuy nhiên đến nay Công ty DA đã thanh toán xong khoản nợ cho Công ty VG bằng hai Giấy nộp tiền ngân hàng vào ngày 21/02/2017 số tiền 430.000.000 đồng và ngày 03/01/2017 số tiền 2.946.490.000 đồng do bà L là nhân viên của Công ty DA nộp. Số tiền chênh lệch nhiều hơn số nợ là do trả thêm một khoản tiền lãi tượng trưng do trước đây hai bên có mối quan hệ hợp tác thân thiết. Bị đơn đang giữ bản chính hai chứng từ thanh toán nợ. Đây là chứng từ rất quan trọng chứng minh việc trả xong nợ, chỉ có người nộp tiền thì mới có chứng từ này để lưu trữ, đây là chứng từ kế toán rất quan trọng, không thể nói bị thất lạc hay bị đánh mất như đại diện nguyên đơn trình bày. Công ty VG cũng thừa nhận đã nhận tiền vào tài khoản là có thật. Vì vậy, đối với yêu cầu của nguyên đơn không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn là đối tác kinh doanh lâu năm, các đương sự thống nhất năm 2015 khi bị đơn gặp khó khăn về vốn thì nguyên đơn đã nhiều lần cho bị đơn vay tiền, hiện nay còn nợ lại 3.266.500.287 đồng theo bảng xác nhận nợ ngày 16/9/2016. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cho rằng đã thanh toán hết công nợ theo hai Giấy nộp tiền ngân hàng vào ngày 21/02/2017 số tiền 430.000.000 đồng và ngày 03/01/2017 số tiền 2.946.490.000 đồng do bà L thực hiện. Nguyên đơn không chấp nhận mà cho rằng tiền của nguyên đơn nộp vào tài khoản nguyên đơn.

Căn cứ bản tự khai ngày 21/8/2019, bà L đã thừa nhận là kế toán của hai công ty VG và DA vào thời điểm tháng 10/2017 (bút lục 191). Căn cứ Phiếu chi ngày 21/2/2017 (bút lục 189), Phiếu đề nghị thanh toán ngày 21/01/2017 (bút lục 188), Phiếu đề nghị nộp tiền ngày 11/01/2017 (bút lục 186) của nguyên đơn thể hiện bà L là nhân viên của nguyên đơn vào thời điểm tháng 10/2017 và tháng 2/2017. Nguyên đơn cho

rằng Giấy nộp tiền ngày 21/02/2017 là nguyên đơn chi tiền mặt cho bà L (nhân viên của công ty) để đáo hạn vay Ngân hàng SHB và đã được bà L thừa nhận thể hiện tại bút lục 191. Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng chứng cứ Giấy nộp tiền ngày 21/02/2017 để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp.

Đối với Giấy nộp tiền ngày 03/01/2017, bà L cho rằng đã quá lâu (hơn 02 năm) nên không nhớ rõ giấy này có phải là tiền của bị đơn trả nợ cho nguyên đơn hay không (bút lục 191). Nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh việc trả nợ cho nguyên đơn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng chứng cứ Giấy nộp tiền ngày 03/01/2017 để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp.

Số tiền bị đơn cho rằng đã trả nợ cho nguyên đơn có chênh lệch lớn so với số nợ gốc là không có cơ sở chấp nhận vì hai bên không có thỏa thuận lãi suất khi vay.

Về nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một: Hồ sơ đã thể hiện đầy đủ tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án nhưng cấp sơ thẩm nhận định chứng cứ chưa chính xác, nên việc tuyên án của cấp sơ thẩm chưa phù hợp. Vì vậy, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đề nghị hủy án là không cần thiết mà chỉ cần sửa bản án sơ thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một. Sửa bản án sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 11/9/2019 theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán số tiền vay 3.266.500.287 đồng theo Bảng xác nhận nợ ngày 16/9/2016.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 24/9/2020, nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một. Ngày 25/9/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một có Quyết định kháng nghị số 42/QĐKNPT-VKS-KDTM. Vì vậy, đơn kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện Kiểm sát là hợp lệ và trong thời hạn luật định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất số nợ vay 3.266.500.287 đồng theo Bảng xác nhận nợ ngày 16/9/2016, việc vay tiền không tính lãi nên đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét giao dịch vay tiền giữa các đương sự không thỏa mãn điều kiện cùng có mục đích lợi nhuận theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, cần xác định đây là loại vụ việc tranh chấp dân sự "hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn cho rằng đã đưa tiền cho nhân viên là L trả xong số nợ vay 3.266.500.287 đồng. Bị đơn cung cấp bản chính 02 Giấy nộp tiền ngày 03/01/2017 vào tài khoản số 102010002134734 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương cho Công ty VG với số tiền 2.946.490.000 đồng và Giấy nộp tiền ngày 21/02/2017 vào tài khoản số 1007063719 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn- Hà Nội chi nhánh Bình Dương cho Công ty VG với số tiền 430.000.000 đồng. Nguyên đơn không chấp nhận lời trình bày của bị đơn mà cho rằng bà L làm việc cho cả hai công ty, 02 Giấy nộp tiền ngày 03/01/2017 và ngày 21/02/2017 là do bà L nộp tiền của nguyên đơn vào tài khoản của Công ty VG, bị đơn chưa trả nợ nên yêu cầu bị đơn phải trả số nợ vay 3.266.500.287 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

[4] Xét nội dung 02 Giấy nộp tiền ngày 03/01/2017 và ngày 21/02/2017 đều không ghi nội dung lý do nộp tiền là để trả nợ vay cho Công ty DA mà ghi "Nộp tiền vào tài khoản" nên không đủ cơ sở để chứng minh hai số tiền 2.946.490.000 đồng và 430.000.000 đồng là do bị đơn đưa cho bà L để nộp vào tài khoản nguyên đơn để trả nợ vay. Đồng thời, tổng số tiền theo 02 Giấy nộp tiền ngày 03/01/2017 và ngày 21/02/2017 là 3.376.490.000 đồng hoàn toàn không phù hợp với số nợ vay 3.266.500.287 đồng. Đại diện bị đơn cho rằng việc trả nợ dư 109.989.713 đồng là do bị đơn trả thêm số tiền lãi tượng trưng cho nguyên đơn vì hai bên có mối quan hệ hợp tác thân thiết. Xét nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận Công ty DA cho Công ty VG vay 3.266.500.287 đồng là không tính lãi. Theo Bảng xác nhận công nợ ngày 16/9/2016 cũng ghi nhận Công ty DA có "mượn" của Công ty VG số tiền 3.376.490.000 đồng. Vì vậy, bị đơn trình bày trả nợ dư 109.989.713 đồng là mâu thuẫn với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đại diện bị đơn cho rằng đang giữ bản chính 02 Giấy nộp tiền ngày 03/01/2017 và ngày 21/02/2017 là đã chứng minh được số tiền 3.376.490.000 đồng của bị đơn đưa cho bà L nộp vào tài khoản nguyên đơn trả nợ, vì chỉ có người nộp tiền thì mới có chứng từ để lưu trữ, đây là chứng từ kế toán rất quan trọng.

Tại Bản tự khai ngày 18/6/2019 (bút lục số 33), bà L trình bày: "*Trước tháng 10/2017 tôi có làm việc tại Công ty DA chức vụ nhân viên kế toán. Trong quá trình làm việc tôi có thực hiện các giao dịch chuyển tiền vào TK (tài khoản) của các công ty. Trong đó có Công ty VG. Vì VG và DA có mối quan hệ làm ăn nhiều năm nên việc thực hiện các giao dịch nộp chuyển tiền phát sinh rất nhiều. Đối với giấy nộp tiền ngày 21/02/2017 và ngày 03/01/2017 tôi không nhớ rõ đã nộp tiền vào TK VG với mục đích gì...*". Tại Bản tự khai ngày 21/8/2019 (bút lục 191), bà L trình bày: "*Trước tháng 10/2017 tôi có làm việc tại Công ty DA và Công ty VG (chức vụ nhân viên kế toán). Trong giai đoạn này tôi có thực hiện các giao dịch chuyển tiền vào TK của cả hai công ty trên và không nhớ nộp tiền hoặc CK (chuyển khoản) vào các nội dung gì (do thời gian làm việc cách đây rất lâu). Đối với phiếu chi, giấy nộp tiền ngày 21/02/2017 và ngày 03/01/2017 cá nhân tôi chuyển vào (nộp tiền) vào TK để đáo hạn vay ngân hàng (có sự đồng ý và xét duyệt của phó giám đốc, kế toán trưởng) cho VG của Phiếu chi 21/3/2017. Đối với Giấy nộp tiền 03/01/2017 do thời gian quá lâu tôi không nhớ lúc đó nộp vào TK là vì nguyên do gì do không thể hiện được rõ ràng nội dung là nộp vào với mục đích gì nên không biết là có phải tiền của DA trả cho VG không...".* Xét lời

trình bày của bà L có mâu thuẫn, Tòa án cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai, đối chất giữa các đương sự với bà L nhưng với hai Bản tự khai trên thì bà L không khẳng định việc bị đơn đã thanh toán nợ xong cho nguyên đơn. Bà L cho rằng không liên quan đến mâu thuẫn tranh chấp giữa hai bên và có yêu cầu vắng mặt. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập bà L nhiều lần để lấy lời khai, đối chất với các đương sự trong vụ án nhưng bà L đều có đơn yêu cầu vắng mặt và trình bày không nhớ do sự việc đã quá lâu (các bút lục 353, 354, 355).

[6] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ liên quan đến bà L. Theo Bản tường trình ngày 07/11/2019 trong hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 19/2020/TLPT-KDTM ngày 21/5/2020 của TAND tỉnh Bình Dương giữa nguyên đơn Công ty VG và bị đơn Công ty DA, bà L trình bày: "*Nguyên trước đây (khoảng tháng 6/2016 đến tháng 9/2017) tôi có làm công việc kế toán nội bộ, kiêm thủ quỹ của hai công ty (VG – DA), nhưng tôi được ký hợp đồng chính thức, nhận lương và tham gia bảo hiểm từ Công ty DA. Thời điểm này, Công ty VG và Công ty DA có mối quan hệ làm ăn thân thiết với nhau nên toàn bộ nhân sự của hai công ty khoảng 30 người cùng ngồi làm việc tại địa chỉ trụ sở của Công ty DA tại số 118, Đường D1, khu dân cư Phú Hòa, Phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Do vậy, toàn bộ hồ sơ sổ sách kế toán và chứng từ ngân hàng của Công ty VG cũng lưu giữ ở địa chỉ này. Đến tháng 9/2017 thì tôi nghỉ làm ở hai công ty và bàn giao công việc cho người khác, trước khi tôi rời đi thì toàn bộ sổ sách chứng từ vẫn lưu giữ tại Công ty DA. Trong thời gian làm việc, là một nhân viên kế toán – thủ quỹ của hai công ty thì tôi có thực hiện các lệnh giao dịch nộp tiền, chuyển tiền giữa hai công ty (phát sinh rất nhiều) và đều theo chỉ đạo của cấp trên (kế toán trưởng, ban giám đốc). Trong mỗi giao dịch chuyển tiền, nộp tiền tại Ngân hàng tôi có ghi rõ nội dung trong các chứng từ và theo nguyên tắc kế toán thì mỗi lần nhận tiền mặt của công ty để đi nộp vào tài khoản tôi có lập phiếu chi tiền, ký tên bên dưới và có sự xét duyệt của kế toán trưởng, ban giám đốc rõ ràng. Nay tôi đã nghỉ việc tại hai công ty nói trên rất lâu (khoản 2 năm mấy tháng) nên tôi không còn nhớ nguyên nhân lúc đó phát sinh các giao dịch nộp tiền-chuyển khoản với mục đích gì, nhưng dựa trên các chứng từ kế toán phát sinh tại thời điểm đó. Tôi xác nhận tất cả các chứng từ tại thời điểm tôi đi nộp vào tài khoản của DA là tiền của DA, tiền tôi nộp vào tài khoản của Công ty VG là tiền của Công ty VG (có phiếu chi, giấy nộp tiền... và có chữ ký xét duyệt của kế toán trưởng, ban giám đốc rõ ràng).".* Theo Đơn kháng cáo ngày 12/9/2019 trong hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 03/2020/TLPT-KDTM ngày 06/01/2020 của TAND tỉnh Bình Dương giữa nguyên đơn Công ty VG và bị đơn Công ty DA, ông Q là Giám đốc - đại diện theo pháp luật của Công ty DA trình bày: "*Ngày 05/12/2017, Công ty DA và Công ty VG ký Hợp đồng kinh tế cung cấp vật tư, giá trị hợp đồng là 3.841.346.333 đồng. Tại thời điểm ký hợp đồng, Công ty DA và Công ty VG có mối quan hệ làm ăn chung với nhau rất thân thiết (Hai công ty đăng ký địa chỉ ở hai địa điểm nhưng cùng hoạt động tại nơi Công ty DA đăng ký) nên khi có khách hàng ký hợp đồng với công ty thì hai bên đã cùng nhau bàn thảo cách thức thực hiện hợp đồng, dự kiến kinh phí, phương án cung cấp vật tư và nguồn tài chính... Thời gian sau đó hai Công ty có bất đồng quan điểm trong kinh doanh, thay đổi nhân sự và có mâu thuẫn trong nội bộ dẫn đến 02 Công ty phải chia*

tay nhau thì Công ty VG lại lấy bản Hợp đồng đã ký ngày 05/12/2017 khởi kiện Công ty DA cho rằng chưa thanh toán tiền cho Công ty VG hợp đồng nói trên một đồng nào...". Với những chứng cứ nêu trên đã đủ cơ sở để xác định vào thời điểm năm 2017 Công ty DA và Công ty VG có mối quan hệ làm ăn chung với nhau, hai công ty đăng ký địa chỉ ở hai địa điểm nhưng cùng hoạt động tại nơi Công ty DA đăng ký số 118, Đường D1, khu dân cư Phú Hòa, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và bà L làm kế toán, thủ quỹ cho cả hai công ty nhưng ký hợp đồng lao động chính thức và tham gia bảo hiểm từ Công ty DA. Vì vậy, việc bị đơn giữ bản chính 02 Giấy nộp tiền ngày 03/01/2017 và ngày 21/02/2017 cũng không đủ cơ sở chứng minh số tiền 3.376.490.000 đồng là do bị đơn đưa cho bà L nộp vào tài khoản nguyên đơn để trả nợ vay nên kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở. Quan điểm kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có căn cứ chấp nhận một phần.

[7] Tòa án cấp phúc thẩm đã ra quyết định yêu cầu các đương sự cung cấp báo cáo tài chính chứng minh dòng tiền vay, việc thanh toán. Theo Báo cáo tài chính do bị đơn cung cấp không thể hiện chi tiết số nợ vay, số tiền bị đơn đã trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn cung cấp hai Sổ cái năm 2017, Sổ quỹ tiền mặt có thể hiện hai số tiền bà L nộp vào tài khoản của công ty nhưng kết quả giám định không đúng với chữ ký tên bà Nguyễn Thị Bích Chi (người ghi Sổ - hiện nay là nhân viên của bị đơn). Tòa án đã tiến hành triệu tập bà Chi để cung cấp mẫu chữ ký phục vụ cho việc giám định nhưng bà Chi có đơn yêu cầu vắng mặt nên Tòa án chỉ có thể trưng cầu giám định trên cơ sở tài liệu thu thập được có khác nhau về thời gian lập văn bản. Nguyên đơn vẫn khẳng định chữ ký trên tài liệu giám định là của bà Chi nhưng thời điểm ký khác nhau nên không yêu cầu giám định lại.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn xác định không kháng cáo liên quan đến việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Xét việc xử lý biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Quan điểm đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần VG. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

2. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần VG về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn Công ty TNHH DA.

Buộc Công ty TNHH DA có trách nhiệm thanh toán nợ vay cho Công ty Cổ phần VG số tiền 3.266.500.287 (ba tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn hai trăm tám mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH DA phải chịu 97.330.000 (chín mươi bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần VG số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.884.000 (hai mươi mốt triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033336, ngày 02/01/2019.

2.3 Chi phí giám định: Công ty Cổ phần VG phải chịu 3.060.000 đồng, được khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần VG số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0034641, ngày 04/10/2019.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tòa KT, HCTP.

Phan Trí Dũng